



# **BẢN TIN PHÁP LUẬT**

***Tháng 1/2025***

## I. VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

### 1. Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/11/2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế Giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội

#### Đối tượng

Giảm thuế GTGT đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10%, trừ nhóm hàng hóa, dịch vụ sau:

a) Viễn thông, hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản, kim loại và sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất. Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

b) Sản phẩm hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt. Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

c) Công nghệ thông tin theo pháp luật về công nghệ thông tin. Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

d) Việc giảm thuế GTGT cho từng loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng thống nhất tại các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thương mại. Đối với mặt hàng than khai thác bán ra (bao gồm cả trường hợp than khai thác sau đó qua sàng tuyển, phân loại theo quy trình khép kín mới bán ra) thuộc đối tượng giảm thuế GTGT. Mặt hàng than thuộc Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này, tại các khâu khác ngoài khâu khai thác bán ra không được giảm thuế GTGT.

Các tổng công ty, tập đoàn kinh tế thực hiện quy trình khép kín mới bán ra cũng thuộc đối tượng giảm thuế GTGT đối với mặt hàng than khai thác bán ra.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ nêu tại các Phụ lục I, II và III ban hành kèm theo Nghị định này thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT 5% theo quy định của Luật Thuế GTGT thì thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT và không được giảm thuế GTGT.

#### Mức giảm GTGT

a) Cơ sở kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT **8%** đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) tính thuế GTGT theo phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu được **giảm 20%** mức tỷ lệ % để tính thuế GTGT khi thực hiện xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế GTGT quy định trên.

#### Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/6/2025.

## 2. Nghị quyết số 60/2024/UBTVQH15 ngày 24/12/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thuế bảo vệ môi trường

Mức thuế bảo vệ môi trường đối với **xăng, dầu, mỡ nhờn** từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2025 được quy định như sau:

| STT | Hàng hóa         | Đơn vị tính | Mức thuế<br>(đồng/đơn vị hàng hóa) |
|-----|------------------|-------------|------------------------------------|
| 1   | Xăng, trừ etanol | lít         | 2.000                              |
| 2   | Nhiên liệu bay   | lít         | 1.000                              |
| 3   | Dầu diesel       | lít         | 1.000                              |
| 4   | Dầu hỏa          | lít         | 600                                |
| 5   | Dầu mazut        | lít         | 1.000                              |
| 6   | Dầu nhờn         | lít         | 1.000                              |
| 7   | Mỡ nhờn          | kg          | 1.000                              |

Mức thuế này được giữ nguyên như mức thuế đã áp dụng năm 2024 theo Nghị quyết 42/2023/UBTVQH15 ngày 18/12/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

## 3. Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế

Thông tư này quy định về đối tượng đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế, cấu trúc mã số thuế theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 30 Luật Quản lý thuế; thủ tục về đăng ký thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Luật Quản lý thuế và biện pháp thực hiện chức năng quản lý thuế đối với đăng ký thuế.

### Đối tượng đăng ký thuế bao gồm:

- Người nộp thuế thuộc đối tượng thực hiện đăng ký thuế thông qua cơ chế một cửa liên thông theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Quản lý thuế.
- Người nộp thuế thuộc đối tượng thực hiện đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 Luật Quản lý thuế.

**Các thủ tục về đăng ký thuế đối với người nộp thuế là tổ chức, hộ cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân:**

- Đăng ký thuế lần đầu;
- Thay đổi thông tin đăng ký thuế;
- Tạm ngừng hoạt động, kinh doanh;
- Chấm dứt hiệu lực mã số thuế;
- Khôi phục mã số thuế;
- Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại tổ chức.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **06/02/2025**, thay thế Thông tư số 105/2020/TT-BTC ngày 03/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

## II. CÔNG VĂN MỚI ĐÁNG LƯU Ý

### 1. Công văn số 5921/TCT-CS ngày 16/12/2024 của Tổng cục Thuế về giá tính thuế TNCN và LPTB chuyên quyền sử dụng đất.

Về nguyên tắc kể từ ngày Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành (ngày 1/8/2024) đối với trường hợp chuyển quyền sử dụng đất thì thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân tính theo giá đất trong **Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành**. Tại khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024 đã có quy định trường hợp cần thiết UBND cấp tỉnh quyết định điều chỉnh bảng giá cho phù hợp với tình hình thực tế về giá đất tại địa phương.

Luật Đất đai năm 2024 không sửa đổi, bổ sung quy định tại Luật phí và lệ phí năm 2015. Do đó, giá tính lệ phí trước bạ đối với chuyển quyền sử dụng đất thực hiện theo các quy định tại Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 10/2022/NĐ-CP và Thông tư số 301/2016/TT-BTC.

### 2. Công văn số 6135/TCT-CS ngày 20/12/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế

Khoản chi thông qua việc phát triển trồng rừng không được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN do khoản chi **không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh** của tổ chức.

Khoản chi thông qua **tài trợ cho y tế, giáo dục gắn với hoạt động an sinh xã hội** nếu đáp ứng điều kiện là khoản chi tài trợ cho y tế, giáo dục quy định tại điểm 2.22, điểm 2.23 Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

### 3. Công văn số 4778/TCT-CS ngày 24/10/2024 của Tổng cục Thuế giải đáp chính sách tiền sử dụng đất

**Luật Đất đai năm 2013** chỉ giao Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại các điểm d, đ, e và g khoản 1 Điều 57 của Luật; vì vậy, tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ **không có cơ sở pháp lý** để quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất khi chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại các điểm c khoản 1 Điều 57 Luật Đất đai năm 2013.

- Kể từ ngày 01/8/2024 thì Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực thi hành; trong đó:

+ Tại Điều 121 Luật Đất đai năm 2024 quy định **các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép** và phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (trong đó có trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất từ đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang sử dụng vào mục đích khác trong nhóm đất nông nghiệp (trong nhóm đất nông nghiệp có đất trồng cây lâu năm) và tại Điều 34 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP đã quy định cụ thể việc tính tiền thuê đất khi chuyển mục đích sử dụng đất.

+ Việc **xử lý chuyển tiếp** về tiền thuê đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trước ngày Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành nhưng chưa quyết định giá đất được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 257 Luật Đất đai năm 2024, khoản 9 Điều 51 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

**5. Công văn số 6142/TCT-CS ngày 20/12/2024 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNDN**

Về ưu đãi thuế TNDN đối với dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thực hiện từ 01/01/2015, Tổng cục Thuế đã có công văn số 1713/TCT-CS ngày 12/5/2023 trả lời Cục Thuế thành phố Hà Nội như sau: *“Đối với các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển thực hiện từ 1/1/2015 đáp ứng các điều kiện của dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quy định tại Luật số 71/2014/QH13, dự án được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, đang được hưởng hoặc đã hưởng hết ưu đãi theo điều kiện khác thì thời gian hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo điều kiện sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phải trừ đi thời gian ưu đãi đã hưởng theo điều kiện khác”.*

**6. Công văn số 6361/TCT-CS ngày 30/12/2024 của Tổng cục Thuế về thuế GTGT**

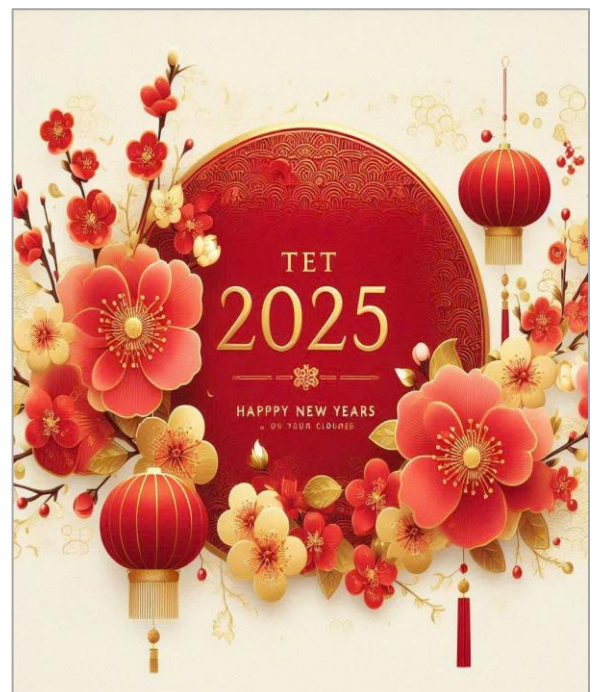
- Hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở Lào được áp dụng **thuế suất thuế GTGT 0%**.
- Trường hợp Chủ đầu tư ký hợp đồng với nhà thầu trong nước để mua sắm hàng hóa, vật tư phục vụ xây dựng, lắp đặt công trình tại Lào và thực hiện giao hàng hóa tại Lào theo Hợp đồng ký kết thì thủ tục hồ sơ để nhà thầu trong nước bán hàng thực hiện khấu trừ hoặc **hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa xuất khẩu** thực hiện theo khoản 4 Điều 17 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

**7. Công văn số 6369/TCT-DNL ngày 31/12/2024 của Tổng cục Thuế về thông báo thông tin các nhà cung cấp nước ngoài chưa thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế**

Tổng cục Thuế thông báo đến Hội sở chính của Ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán danh sách các nhà cung cấp nước ngoài chưa thực hiện đăng ký, kê khai, nộp thuế tại Việt Nam.

*(Danh sách các nhà cung cấp nước ngoài bao gồm các thông tin: tên, địa chỉ website gửi kèm theo)*

Bằng công văn này, Tổng cục Thuế đề nghị Hội sở chính của Ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện thông báo danh sách các nhà cung cấp nước ngoài cho các chi nhánh của ngân hàng để các chi nhánh **thực hiện kê khai, khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế** khi thực hiện thanh toán cho các giao dịch với nhà cung cấp nước ngoài theo quy định.



## 8. Công văn số 52/TCT-CS ngày 03/01/2025 của Tổng cục Thuế về xử lý tiền đất trước khi chuyển mục đích

8.1. Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, xác định giá đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện theo Luật Đất đai, Nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai, Nghị định về giá đất và **thuộc chức năng nhiệm vụ của cơ quan tài nguyên và môi trường**.

8.2. Trường hợp việc giao, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, việc xác định giá đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đã đúng quy định của pháp luật và nếu người sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất **trước ngày Nghị định số 103/2024/NĐ-CP có hiệu lực thi hành** (ngày 1/8/2024) nhưng đến sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành **chưa hoàn thành nghĩa vụ** về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất mà đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất có nhiều hình thức sử dụng đất, trong đó có đất ở (nhưng không tách thành phần riêng trong dự án sau khi chuyển mục đích) hoặc dự án sau khi chuyển mục đích có nhiều hình thức sử dụng đất (Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, Nhà nước cho thuê đất) thì việc xử lý đối với tiền đất trước khi chuyển mục đích và giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện theo quy định tại tiết đ khoản 2 khoản 3 Điều 7, tiết d khoản 3 Điều 34 và khoản 4 Điều 52 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

## 9. Công văn số 72/TCT-CS ngày 07/01/2025 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNDN

Căn cứ điểm đ, điểm e khoản 4 và điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định các loại thuế khai theo tháng, khai theo quý, khai theo năm, khai theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế và khai theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế và khai quyết toán thuế: trường hợp Công ty thực hiện kê khai thuế TNDN theo phương pháp doanh thu, chi phí có **hoạt động chuyển nhượng bất động sản** thì không phải nộp tờ khai thuế TNDN từ chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh (mẫu 02/TNDN) mà chỉ phải kê khai tờ khai quyết toán thuế TNDN (mẫu 03/TNDN) và tạm nộp thuế TNDN theo quý (người nộp thuế nếu thực hiện kê khai thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ trên doanh thu mới phải nộp tờ khai thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh).

Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT, “*Tờ khai thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản*” không phải là thành phần hồ sơ bắt buộc khi xác định nghĩa vụ tài chính đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

Do đó, quy định về kê khai thuế TNDN tại Nghị định số 126/2020/NĐ-CP không ảnh hưởng đến hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính của người nộp thuế theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 88/2016/TTLT/BTC-BTNMT nêu trên.



## 10. Công văn số 73/TCT-CS ngày 07/01/2025 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNDN

Trường hợp doanh nghiệp có **hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá** thanh toán hoặc cơ quan thuế có cơ sở để xác định **giá thanh toán không phù hợp theo giá thị trường**, cơ quan thuế có quyền kiểm tra và **án định giá chuyển nhượng**.

Căn cứ tiết a khoản 2 Điều 14 Thông tư số 78/2014/TT-BTC, giá chuyển nhượng cần được xác định tại **thời điểm chuyển nhượng**. Do đó, đề nghị Cục Thuế dựa vào hợp đồng, hồ sơ, tài liệu có liên quan, áp dụng các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp phù hợp, căn cứ các quy định pháp luật về quản lý thuế để xác định giá chuyển nhượng đối với hoạt động chuyển nhượng vốn của Công ty. Trường hợp việc **án định giá chuyển nhượng** của cơ quan thuế không phù hợp thì được căn cứ theo giá thẩm định của các tổ chức định giá chuyên nghiệp có thẩm quyền xác định giá chuyển nhượng tại thời điểm chuyển nhượng theo đúng quy định.

## 11. Công văn số 74/TCT-CS ngày 07/01/2025 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế

### 11.1. Về việc sử dụng hóa đơn chứng từ

Đơn vị sự nghiệp công lập có nhận kinh phí thực hiện cấp bù tiền miễn, giảm học phí từ Kho bạc nhà nước để hạch toán vào tài khoản thu học phí của cơ sở và được tự chủ sử dụng theo số lượng thực tế đối tượng được cấp bù và quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính thì căn cứ vào **hồ sơ rút dự toán đã được Kho bạc nhà nước phê duyệt** theo quy định tại tiết b Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/ 8/2021 làm **chứng từ để hạch toán** kế toán, ghi nhận doanh thu theo quy định.

Khoản cấp bù tiền miễn giảm học phí thực chất là khoản hỗ trợ học phí của nhà nước nộp thay cho học sinh, sinh viên nên **không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT** theo quy định tại Khoản 13 Điều 4 Chương I Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

### 11.2. Về chính sách thuế TNDN

Về nguyên tắc, đơn vị sự nghiệp có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế TNDN xác định được doanh thu, chi phí, thu nhập thì số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tính thuế bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất; trường hợp các đơn vị này hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Căn cứ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế và thực hiện ý kiến của Lãnh đạo Chính phủ tại văn bản số 551/TB-VPCP ngày 28/11/2017 của Văn phòng Chính phủ, về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, Bộ Tài chính đã có các công văn hướng dẫn: công văn số 11391/BTC-TCT ngày 18/09/2020 gửi Kiểm toán Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo, công văn số 7616/BTC-TCT ngày 12/07/2021 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, công văn số 13387/BTC-CST ngày 04/12/2023 gửi Học viện Nông nghiệp Việt Nam. Tổng cục Thuế đã có công văn số 3002/TCT-CS ngày 28/07/2020 gửi Cục Thuế tỉnh Bình Phước và gửi Cục Thuế các Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về chính sách thuế TNDN đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế, giáo dục

## 12. Công văn số 71/TCT-CS ngày 07/01/2025 của Tổng cục Thuế về chính sách tiền thuê đất

12.1. Tổ chức kinh tế đang sử dụng đất thuộc đối tượng phải thuê đất theo Luật Đất đai năm 2013 nhưng **chưa có quyết định** cho thuê đất và hợp đồng thuê đất thì **không được ổn định đơn giá thuê đất** để tính tiền thuê đất phải nộp hằng năm theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP cho đến khi hoàn tất thủ tục và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho thuê đất.

12.2. Việc giảm tiền thuê đất theo Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg (QĐ 25) phải là đối tượng được **nhà nước cho thuê đất trực tiếp** theo quyết định hoặc hợp đồng thuê đất dưới hình thức **thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm**. Theo đó, đối với người nộp thuế đang sử dụng đất thuộc trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm trong thời gian được giảm tiền thuê đất theo QĐ 25 mà **chưa có quyết định** cho thuê đất hoặc hợp đồng cho thuê đất hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho thuê đất trực tiếp thì **không thuộc đối tượng được giảm** tiền thuê đất theo quy định tại QĐ 25.

12.3. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 5, khoản 8 Điều 59 Luật Quản lý thuế năm 2019, trường hợp người nộp thuế **không nộp tiền thuê đất theo thời hạn** ghi trên thông báo nộp tiền của cơ quan thuế thì **bị tính tiền chậm nộp** theo quy định của pháp luật.

## 13. Công văn số 96/TCT-CS ngày 08/01/2025 của Tổng cục Thuế về chính sách thuế TNDN

Pháp luật về thuế TNDN đã quy định thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được miễn thuế TNDN; thu nhập từ dự án đầu tư mới thực hiện tại địa bàn xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Trường hợp doanh nghiệp **không thực hiện đúng mục tiêu của dự án** (là dự án chăn nuôi) trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định chủ trương đầu tư đã cấp thì doanh nghiệp **không được hưởng ưu đãi** về thuế TNDN đối với thu nhập từ hoạt động cho thuê trang trại.

## 14. Công văn số 99/TCT-CS ngày 08/01/2025 của Tổng cục Thuế về thuế GTGT

Trường hợp Cục Thuế **đã thực hiện hoàn thuế** đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu **chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt** thì Cục Thuế thực hiện **thu hồi số thuế GTGT** đã hoàn chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo đúng quy định của Luật Thuế GTGT và pháp luật quản lý thuế.





## Liên hệ

Bản tin này được ECOVIS AFA VIETNAM cập nhật từ các văn bản pháp quy do các cơ quan nhà nước ban hành trên các phương tiện thông tin đại chúng và cho mục đích tham khảo, không được xem như ý kiến tư vấn pháp luật cụ thể. Việc áp dụng các thông tin này vào các trường hợp cụ thể có thể không hoàn toàn phù hợp. Để biết thêm thông tin hoặc cần chúng tôi hỗ trợ, vui lòng liên hệ với các chuyên gia của chúng tôi.



**Nguyễn Trọng Hiếu**  
Cố vấn chiến lược  
0914 015 678  
hie.u.nguyen@ecovis.com.vn



**Nguyễn Hải Nam**  
Chủ tịch HĐQT / Tổng Giám đốc  
0916 020 113  
nam.nguyen@ecovis.com.vn



**Trần Dương Nghĩa**  
PCT HĐQT / P. Tổng Giám đốc  
0916 538 539  
nghia.tran@ecovis.com.vn



**Nguyễn Trung Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
0917 705 379  
dung.nguyen@ecovis.com.vn



**Phạm Quang Trung**  
Phó Chủ tịch HĐQT  
0935 58 3456  
trung.pham@ecovis.com.vn



**Lê Huy Đông**  
Trưởng phòng Tư vấn - Đào tạo  
0944 322 988  
dong.le@ecovis.com.vn



**Nguyễn Thị Hiền Giang**  
Phó phòng Tư vấn – Đào tạo  
0933 224 968  
giang.nguyen@ecovis.com.vn

